

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**.

Ngày: 15 - 7 - 2020.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

giữa chị H và anh L.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Phạm Đức Minh**

- Bà **Nguyễn Thị Tài**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày **15** tháng **7** năm **2020** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số **09/2020/TLST-HNGĐ** ngày **04** tháng **02** năm **2020** về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **16/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày **28** tháng **5** năm **2020** giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Thúy H**, sinh năm: 1991. Địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh **Đỗ Văn L**, sinh năm: 1982. Địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh L tự nguyện tìm hiểu, yêu T và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày **16/6/2016**, hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Chị H cho rằng: Quá trình chung sống do tính tình không hợp, anh L thường xuyên chơi bài bạc, nợ nần, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có hạnh phúc. Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu

được ly hôn với anh L.

Còn anh L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của anh L tại Tòa án.

- *Về con chung*: Chị H trình bày: Vợ chồng chung sống với nhau có 02 con chung là cháu Đỗ Lê Bảo Q, sinh ngày 26/12/2016 và cháu Đỗ Lê Gia T, sinh ngày 23/12/2018. Hiện nay 02 con chung đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến đủ tuổi thành niên và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy H; Xử cho chị Lê Thị Thúy H được ly hôn với anh Đỗ Văn L;

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đỗ Lê Bảo Q và cháu Đỗ Lê Gia T cho chị H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Chị Lê Thị Thúy H không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa chia và không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết;

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng**: Chị Lê Thị Thúy H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “Ly hôn” với anh Đỗ Văn L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (niêm yết) nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị

Lê Thị Thúy H và anh Đỗ Văn L là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh L tự nguyện tìm hiểu, yêu T và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/6/2016, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Quá trình chung sống do tính tình không hợp, anh L thường xuyên chơi bài bạc, nợ nần, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có hạnh phúc. Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh L. Còn anh L, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt chứng tỏ anh L không có nguyện vọng mong muốn được trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; xử cho chị H được ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Vợ chồng chung sống với nhau có 02 con chung là cháu Đỗ Lê Bảo Q, sinh ngày 26/12/2016 và cháu Đỗ Lê Gia T, sinh ngày 23/12/2018. Hiện nay 02 con chung đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến đủ tuổi thành niên.

Xét thấy, hiện nay 02 con chung còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với chị H. Chị H cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc các con chung. Vì vậy để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nhận nuôi con chung; giao 02 con chung cho chị H tiếp tục có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Chị H không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Chị H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Chị H trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. **Xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy H đối với anh Đỗ Văn L về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho chị Lê Thị Thúy H được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đỗ Lê Bảo Q, sinh ngày 26/12/2016 và cháu Đỗ Lê Gia T, sinh ngày 23/12/2018 cho chị Lê Thị Thúy H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Anh Đỗ Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thúy H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0019535 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Lê Thị Thúy H đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/7/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- UBND xã C, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

